

Số: 834/2019/QĐST-HNGĐ

*Thuận An, ngày 27 tháng 8 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1127/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Phí Hữu D, sinh năm 1982; HKTT: Tổ 9, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; tạm trú: 71E/18 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; HKTT: Khóm A, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: 71E/18 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phí Hữu D và bà Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H (nay là phường A), thị xã H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 29 tháng 11 năm 2005. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay ông D và bà H xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông D và bà H có 02 con chung tên Phí Nguyễn Anh V, sinh ngày 28/10/2006 và Phí Nguyễn Hữu N, sinh ngày 03/01/2011. Ông Phí Hữu D và bà Nguyễn Thị H thống nhất sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung.

Về cấp dưỡng: Ông Phí Hữu D tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng/1con. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 09/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông D và bà H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông D và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm hòa giải – đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương lập Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phí Hữu D và bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Phí Nguyễn Anh V, sinh ngày 28/10/2006 và Phí Nguyễn Hữu N, sinh ngày 03/01/2011.

Về cấp dưỡng: Ông Phí Hữu D tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng/1con. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 09/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Phí Hữu D và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035874 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Phòng Tư pháp thị xã Thuận An;
- UBND thị trấn H (nay là phường A), thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (theo GCN Số 421/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Danh Đại Thắng**